TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 483/2018/DS-ST Ngày: 28-11-2018 V/v tranh chấp "Đòi tài sản; nợ hụi"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thanh Phương**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Trung Trực**

Bà **Phạm Thế Tụng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Vĩnh Lộc-** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên toà: Không tham gia.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 310/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp "Đòi tài sản, nợ hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 252/2018/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trịnh Ngọc Hoàng D,** sinh năm 1979; (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị Bạch T**, sinh năm 1970; (vắng mặt)

Ông **Bùi Văn Ng,** sinh năm 1969; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp H, xã Đ, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Trịnh Ngọc Hoàng D trình bày: Vào ngày 23-7-2013 (AL) chị có cho Trần Thị Bạch T và Bùi Văn Ng vay số tiền 14.000.000 đồng. Thỏa thuận 03 tháng trả, không thỏa thuận lãi suất. Chị T và anh Ng có viết biên nhận nợ. Tuy nhiên cho đến nay vẫn không trả số tiền trên cho chị.

Ngoài ra chị T còn tham gia chơi hụi do chị làm chủ hụi, ngày 27-9-2018 khi đối chiếu bà T thừa nhận còn thiếu 62.468.000 đồng và có viết biên nhận nợ, hứa trả dần mỗi tháng 1.000.000đ nhưng vẫn không thực hiện.

Nay chị D yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc chị Trần Thị Bạch T và anh Bùi Văn Ng liên đới trả cho chị tổng số tiền 76.468.000 đồng (nợ vay 14.000.000 đồng, nợ hụi 62.468.000 đồng). Yêu cầu trả một lần, khi án có hiệu lực pháp luật. Không yêu cầu tính lãi suất.

Chị Trần Thị Bạch T, anh Bùi Văn Ng hiện nay vẫn còn ở nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Ấp H, xã Đ, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị T, anh Ng vẫn vắng mặt không có lý do tại các phiên họp, hòa giải và tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trịnh Ngọc Hoàng D vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu trả số tiền 76.468.000 đồng (nợ vay 14.000.000 đồng, nợ hụi 62.468.000 đồng), không yêu cầu tính lãi. Trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Xét quan hệ pháp luật giữa các bên là "Tranh chấp đòi tài sản; nợ hụi". Các đương sự đều cư trú trên địa bàn huyện Chợ Gạo. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Bị đơn chị Trần Thị Bạch T, anh Bùi Văn Ng không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 27, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị T, anh Ng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị D khởi kiện yêu cầu chị T, anh Ng phải trả tổng số tiền 76.468.000 đồng trên cơ sở các biên nhận ngày 23-7-2013 (AL), biên nhận ngày 27-9-2015, giấy cam kết ngày 29-9-2016. Nội dung biên nhận ngày 23-7-2-13(AL) xác định anh Ng, chị T có thiếu chị D tổng cộng 14.000.000 đồng, hứa 03 tháng trả, anh Ng có viết xác nhận và ký tên, nội dung biên nhận ngày 27-9-2015 và giấy cam kết chị T

xác định có nợ tiền hụi chị D 62.468.000 đồng, hứa mỗi tháng trả 1.000.000 đồng chị T có viết và ký tên.

Đối với chị Trần Thị Bạch T, anh Bùi Văn Ng không tham gia tố tụng, vắng mặt tại phiên tòa, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện, không thực hiện nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh, do đó Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã được thu thập được có trong hồ sơ vụ kiện.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần buộc Trần Thị Bạch T, anh Bùi Văn Ng liên đới trả cho chị Trịnh Ngọc Hoàng D tổng số tiền 76.468.000 đồng (nợ vay 14.000.000 đồng, nợ hụi 62.468.000 đồng).Trả một lần, khi án có hiệu lực pháp luật. Chị D không yêu cầu xem xét tính lãi nên Hồi đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 463, Điều 466, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trịnh Ngọc Hoàng D.

Buộc chị Trần Thị Bạch T, anh Bùi Văn Ng liên đới trả cho chị Trịnh Ngọc Hoàng D tổng số tiền 76.468.000 (bảy mươi sáu triệu bốn trăm sáu tám nghìn) đồng (nợ vay 14.000.000 đồng, nợ hụi 62.468.000 đồng).Trả một lần, khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chị Trần Thị Bạch T, anh Bùi Văn Ng phải chịu 3.823.400 (ba triệu tám trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn 1.912.000 (một triệu chín trăm mười hai nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015003 ngày 14-8-2018.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự; Luật sư;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Thanh Phương